

NGHỊ QUYẾT

**Về giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 (đợt 2)
và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3374/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Thuận về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025;

Xét Tờ trình số 66/TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 (đợt 2) và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất giao kế hoạch đầu tư công năm 2025 (đợt 2) và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 là 33.520 triệu đồng (ba mươi ba tỷ, năm

trăm hai mươi triệu đồng), chi tiết từng nguồn vốn như sau:

1. Phân bổ chi tiết (đợt 2): 25.000 triệu đồng

- a) Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 18.421 triệu đồng.
- b) Nguồn xổ số kiến thiết: 6.579 triệu đồng.

2. Bổ sung vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia: 8.520 triệu đồng

- a) Nguồn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 7.140 triệu đồng.
- b) Nguồn chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số: 1.380 triệu đồng.

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Xã hội của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Thuận khóa XI, kỳ họp thứ hai mươi hai thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký./. *Sv*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ VN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- LĐVP, CVNC;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Thường trực HĐND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Toàn

Phụ lục
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (ĐỢT 2) VÀ BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 26/4/2025 của HĐND huyện Vĩnh Thuận)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2025				Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số				Trong đó			Tổng số	Trong đó		
											Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước		Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG (A+B)				67.590	58.900	170	170	32.790	32.790	-	-	33.520	33.520	-	-	
A	Phân bổ chi tiết (đợt 2)				58.900	58.900	-	-	25.650	25.650	-	-	25.000	25.000	-	-	
I	Nguồn Xổ số kiến thiết				14.900	14.900	-	-	6.579	6.579	-	-	6.579	6.579	-	-	
a	Ngành giáo dục				14.900	14.900	-	-	6.579	6.579	-	-	6.579	6.579			
1	Trường Mẫu giáo Vĩnh Phong; HM: Xây dựng mới 02 phòng học, cải tạo sửa chữa 02 phòng học, nhà vệ sinh (Điểm đập đá); Cải tạo sửa chữa 05 phòng chức năng (điểm tập trung) + thiết bị	Xã Vĩnh Phong	2025-2027	1420/QĐ-UBND, 17/4/2025	5.000	5.000			2.079	2.079			2.079	2.079			
2	Trường Mẫu giáo Vĩnh Bình Nam; HM: Xây dựng mới 02 phòng học, hàng rào, nhà vệ sinh, phòng y tế, nhà kho, nhà bếp, mái che + Cải tạo, sửa chữa + thiết bị	Xã Vĩnh Bình Nam	2025-2027	1421/QĐ-UBND, 17/4/2025	4.200	4.200			2.000	2.000			2.000	2.000			
3	Trường Mẫu giáo Phong Đông; HM: Xây dựng mới khối phòng hành chính quản trị, phòng giáo dục nghệ thuật và các hạng mục phụ trợ, cải tạo sửa chữa + Thiết bị	xã Phong Đông	2025-2027	1422/QĐ-UBND, 17/4/2025	5.700	5.700			2.500	2.500			2.500	2.500			
II	Nguồn Cân đối ngân sách				44.000	44.000	-	-	19.071	19.071	-	-	18.421	18.421	-	-	
a	Ngành giáo dục				23.000	23.000	-	-	8.471	8.471	-	-	8.471	8.471			
1	Trường tiểu học Vĩnh Phong 3; HM: XDM điểm đập đá (06 phòng học, nhà vệ sinh, 01 phòng nghỉ giáo viên, sân nền, thoát nước); điểm tập trung (01 phòng nghỉ giáo viên) + thiết bị	Xã Vĩnh Phong	2025-2027	1417/QĐ-UBND, 17/4/2025	7.000	7.000			2.500	2.500			2.500	2.500			



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch năm 2025				Ghi chú						
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS												Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18						
2	Trường TH&THCS Vĩnh Bình Bắc; HM: XDM các phòng học, phòng chức năng, phòng hành chính quản trị và các hạng mục phụ trợ + thiết bị	Xã Vĩnh Bình Bắc	2025-2027	1418/QĐ-UBND, 17/4/2025	9.000	9.000			3.471	3.471			3.471	3.471									
3	Trường TH&THCS Vĩnh Bình Nam 1; HM: Xây dựng mới 04 phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ, cải tạo sửa chữa + thiết bị	Xã Vĩnh Bình Nam	2025-2027	1419/QĐ-UBND, 17/4/2025	7.000	7.000			2.500	2.500			2.500	2.500									
b	Giao thông				21.000	21.000	-	-	10.600	10.600	-	-	9.950	9.950	-	-							
1	Đường Kênh Dân Lập, xã Vĩnh Bình Bắc (giai đoạn 2)	Xã Vĩnh Bình Bắc	2025-2026	31/NQ-HDND, 19/12/2024	2.100	2.100			2.100	2.100			1.950	1.950									
2	Đường Lô 8 - Xã Vĩnh Bình Bắc	Xã Vĩnh Bình Bắc	2025-2026	31/NQ-HDND, 19/12/2024	12.700	12.700			5.300	5.300			5.000	5.000									
3	Đường kênh 4000 kênh 1 - Lò Rèn Xã Tân Thuận	Xã Tân Thuận	2025-2026	31/NQ-HDND, 19/12/2024	6.200	6.200			3.200	3.200			3.000	3.000									
B	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia				8.690	-	170	170	7.140	7.140	-	-	8.520	8.520	-								
I	Nguồn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				7.310	-	170	170	7.140	7.140	-	-	7.140	7.140	-	-							
1	Xã Vĩnh Thuận				1.700				1.700	1.700			1.700	1.700									
	Sửa chữa Nhà văn hóa ấp Đồn Dong, ấp Kênh 13, ấp Kênh 11	Ấp Đồn Dong, Ấp Kênh 13, Ấp Kênh 11	2025		170				170	170			170	170									

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025				Kế hoạch năm 2025				Ghi chú		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NS		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
												Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước			Thanh toán nợ XDCB		Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
	Đường GTNT kênh Thủy lợi (bờ phải) từ 4.000 - 5.000	Xã Vĩnh Thuận	2025		1.530				1.530	1.530			1.530	1.530				
2	Xã Tân Thuận				170				170	170			170	170				
	Sửa chữa Nhà văn hóa xã	Ấp Kinh 1A	2025		170				170	170			170	170				
3	Xã Bình Minh				170				170	170			170	170				
	Sửa chữa Nhà văn hóa	Ấp Bời Lồi B, Cái Nứa, Bình Minh	2025		170				170	170			170	170				
4	Xã Vĩnh Phong				170				170	170			170	170				
	Nhà văn hóa ấp Đập Đá 2	Ấp Đập Đá 2	2025		170				170	170			170	170				
5	Xã Vĩnh Bình Nam				1.700				1.700	1.700			1.700	1.700				
	Sửa chữa Nhà văn hóa xã	Ấp Bời Lồi A, xã Vĩnh Bình Nam	2025		170				170	170			170	170				
	Đường GTNT kênh 8 nhiều (bờ Đông)	Xã Vĩnh Bình Nam	2025		1.530				1.530	1.530			1.530	1.530				
6	Xã Vĩnh Bình Bắc				1.700	-	170	170	1.530	1.530	-	-	1.530	1.530				
	Nhà văn hóa xã	Xã Vĩnh Bình Bắc	2025		170				170	170			170	170				
	Đường GTNT Kênh Kè một	Xã Vĩnh Bình Bắc	2025		1.530		170	170	1.360	1.360			1.360	1.360				
7	Xã Phong Đông				1.700				1.700	1.700			1.700	1.700				
	Xây dựng cầu GTNT (Cầu 2 Sel)	Ấp Vĩnh Thạnh	2025		170				170	170			170	170				

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2025				Ghi chú			
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NS		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số		Trong đó: NS		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS							Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước	Thanh toán nợ XDCB				Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng năm trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18			
	Cầu 5 Tiên	Xã Phong Đông	2025		800				800	800			800	800						
	Cầu 8 Huy, ấp Thạnh Đông	Xã Phong Đông	2025		730				730	730			730	730						
II	Nguồn chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số				1.380	-	-	-	-	-	-	-	1.380	1.380						
1	Xã Vĩnh Bình Bắc				1.196	-	-	-	-	-	-	-	1.196	1.196						
	Hỗ trợ nhà ở (06 hộ)	Xã Vĩnh Bình Bắc	2025		276								276	276						
	Đầu tư mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ấp Đồng Tranh	Xã Vĩnh Bình Bắc	2025		920								920	920						
2	Xã Phong Đông				184	-	-	-	-	-	-	-	184	184						
	Hỗ trợ nhà ở (04 hộ)	Xã Phong Đông	2025		184								184	184						